

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Chi tiết một số công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn của Tập đoàn như sau:

<u>Tên công trình</u>	<u>Số cuối năm</u> <u>Triệu VND</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>Triệu VND</u>
Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình	27.333.343	21.204.119
Dự án nhà máy xử lý khí Cà Mau	3.386.830	949.609
Các công trình tại Ban quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Sông Hậu 1	3.332.493	947.682
Các công trình tại Ban quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú 1	2.974.746	2.233.719
Liên hợp lọc hóa dầu Nghi Sơn (i)	1.827.491	2.161.465
Dự án nâng công suất phân xưởng NH ₃ nhà máy Đạm Phú Mỹ và xây dựng nhà máy sản xuất NPK	1.213.038	108.329
Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch (ii)	1.005.782	731.436
Nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất	872.455	205.476
Các dự án nhận bàn giao từ SBIC (iii)	695.348	695.348
Đường ống dẫn khí Lô B Ô Môn	545.769	491.221
Nhà máy Liên hiệp Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	502.199	502.199
Đường ống Nam Côn Sơn 2	293.146	4.534.331
Tổ hợp khí - điện - đạm Cà Mau	278.797	278.429
Dự án sân Golf và Khu biệt thự sinh thái Cam Ranh	239.226	228.648
Dự án tòa nhà 1A, Láng Hạ, quận Ba Đình, Hà Nội	170.238	170.238
Dự án Xuân Phương	171.546	171.415
Dự án Khu đô thị mới Vũng Tàu	156.235	156.198
Trường Đại học Dầu khí	149.273	141.245
Kho cảng nhập khẩu khí thiên nhiên hóa lỏng	135.596	135.596
Dự án Thủy điện Luang Prabang	129.648	128.976
Cấp bù Khí ẩm Nam Côn Sơn cho nhà máy xử lý Khí Dinh Cố	116.336	128.976
Dự án Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp, Tiền Giang	103.079	102.409
Công trình thủy điện Hòa Na	99.757	318.433
Công trình đầu tư Khu du lịch Thanh Bình	96.823	96.823
Các dự án của Viện Dầu khí Việt Nam	76.401	351.097
Kho chứa LNG Thị Vải	74.433	74.433
Dự án Khu nhà ở cán bộ công nhân viên	64.277	64.267
Dự án thu gom và phân phối khí mỏ Hàm Rồng và Thái Bình	63.399	-
Kho cảng Xăng dầu Cái Mép - Tĩnh Bà Rịa Vũng Tàu (giai đoạn 2)	56.164	56.164
Đầu tư xây dựng các cửa hàng xăng dầu	50.479	64.595
Dự án bổ sung phân xưởng thu hồi lưu huỳnh	35.803	35.560
Dự án xây dựng khu du lịch biển Mỹ Khê	10.894	100.847
Dự án UFC 85/Formaldehyde	6.058	348.244
Cảng Phước An	-	224.953
Tổng kho sản phẩm khí Đà Nẵng	-	183.915
Công trình Tòa nhà số 33, đường 30/4, Vũng Tàu	-	115.165
Dự án khu nhà ở và du lịch phục vụ Công ty TNHH Lọc hóa Dầu Nghi Sơn	-	101.112
Công trình nâng công suất nhà máy điện Nhơn Trạch 1	-	78.160
Dự án Khách sạn Dầu khí Thái Bình	-	43.503

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, giá trị các công trình xây dựng cơ bản dở dang sử dụng để đảm bảo cho các khoản vay là 171.546 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 519.659 triệu VND).

- (i) Chi phí xây dựng dở dang chủ yếu liên quan đến việc thi công, nạo vét lần đầu các công trình trên biển (nạo vét từ 0m đến 9m dưới mặt nước biển - BoQ1) thuộc nghĩa vụ của Chính phủ Việt Nam như cam kết trong Hợp đồng hợp tác liên doanh Lọc hóa dầu Nghi Sơn. Tập đoàn được Chính phủ giao làm chủ đầu tư, có trách nhiệm ứng vốn thực hiện công trình. Toàn bộ chi phí sẽ được bù đắp bằng nguồn Ngân sách Nhà nước. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, công trình đã được thi công hoàn thành và đang trong quá trình quyết toán. Tập đoàn đang tạm theo dõi số tiền đã tạm ứng để thực hiện công trình nêu trên tại khoản mục chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Bảng cân đối kế toán hợp nhất để chờ hướng dẫn của các cấp có thẩm quyền về thời điểm và cách thức hoàn trả số tiền này.
- (ii) Giá trị xây dựng cơ bản dở dang dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 chủ yếu bao gồm giá trị xây dựng cơ bản dở dang dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1 tại Trung tâm điện lực Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình và giá trị tài sản Sân phân phối 500kV Trung tâm Điện lực Vũng Áng.

Ngày 18 tháng 10 năm 2016, Thủ tướng Chính phủ đã có văn bản điều chỉnh một số dự án nhà máy nhiệt điện trong Trung tâm Điện lực Quảng Trạch, theo đó, Thủ tướng Chính phủ giao Tập đoàn Điện lực Việt Nam thay thế Tập đoàn Dầu khí Việt Nam làm chủ đầu tư Dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1, công suất 2x600 MW tại Trung tâm điện lực Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình đồng thời giao Bộ Công thương hướng dẫn Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Tập đoàn Điện lực Việt Nam thực hiện phương án xử lý các thủ tục chuyển giao theo đúng quy định của pháp luật. Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, Tập đoàn đang chờ hướng dẫn của Bộ Công thương để thực hiện việc chuyển giao nêu trên.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn đã tiếp nhận lại Sân phân phối 500kV Trung tâm Điện lực Vũng Áng để hoàn thành các thủ tục chuyển giao cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) theo Thông báo kết luận số 188/TB-VPCP ngày 04 tháng 6 năm 2016 của Văn phòng Chính phủ. Dự án đã được bàn giao cho đơn vị vận hành (EVN/Truyền tải Điện Hà Tĩnh) từ ngày 26 tháng 4 năm 2015 và hoàn thành nghiệm thu đóng điện chạy thử 72 giờ ngày 26 tháng 5 năm 2014. Dự án cũng đã được Tổng Giám đốc Tập đoàn phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành với giá trị 537.542 triệu VND. Tập đoàn đang tạm phản ánh giá trị dự án này trên khoản mục chi phí xây dựng cơ bản dở dang và sẽ hoàn thành các thủ tục để bàn giao theo chỉ đạo của các cấp có thẩm quyền và quyết toán vốn theo quy định.

- (iii) Theo Quyết định số 926/2010/QĐ-TTg ngày 18 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc tái cơ cấu Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam - Vinashin (nay là Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy - SBIC) và Công văn số 319/BTC-TCĐN ngày 30 tháng 8 năm 2010 về việc hướng dẫn các vấn đề về tài chính khi thực hiện điều chuyển, bàn giao các doanh nghiệp và dự án thuộc Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam, Tập đoàn đang tạm hạch toán tăng chi phí xây dựng cơ bản dở dang các dự án tiếp nhận từ SBIC và tăng các khoản phải trả với số tiền là 695.348 triệu VND. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, chưa có ý kiến chính thức bằng văn bản của các cơ quan có thẩm quyền về giá trị các dự án xây dựng dở dang nhận bàn giao từ SBIC.

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Triệu VND	Triệu VND
Chi phí tìm kiếm, thăm dò, phát triển của các mỏ dầu khí đang khai thác (i)	103.012.735	114.280.761
Chi phí quá khứ của Hợp đồng Dầu khí Lô 04.3 (ii)	2.111.539	-
Chi phí thuê đất, thuê mặt bằng, văn phòng	877.432	1.093.351
Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng chờ phân bổ	648.599	694.254
Chi phí vỏ bình gas chờ phân bổ	498.537	548.717
Phí khoản vay tín dụng	485.944	467.670
Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp	395.009	415.257
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	393.413	797.622
Tài trợ phân hiệu dạy nghề Nghệ An	113.320	173.320
Chi phí giải phóng mặt bằng tại Cảng Sơn Trà	102.555	105.043
Chi phí đền bù, tái định canh, định cư cho dự án Nhà máy Thủy điện Đắkdrinh	-	883.772
Phí bảo hiểm	-	168.362
Chi phí trả trước dài hạn khác	921.112	530.260
	109.560.195	120.158.389

(i) Tình hình biến động chi phí tìm kiếm, thăm dò, phát triển của các mỏ dầu khí đang khai thác trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
	Triệu VND	Triệu VND
Số dư đầu năm	114.280.761	102.771.351
Tăng thêm trong năm	10.210.474	24.698.028
Giảm trong năm	21.478.500	13.188.618
<i>Kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm</i>	<i>15.506.776</i>	<i>13.981.288</i>
<i>Phân bổ chi phí các dự án không đảm bảo hiệu quả kinh tế</i>	<i>5.971.724</i>	<i>(792.670)</i>
Số dư cuối năm	103.012.735	114.280.761

Chi phí tìm kiếm thăm dò, phát triển của các mỏ dầu khí đang khai thác bao gồm dự án Lô 67 tại Peru. PVEP đã ký hợp đồng với Công ty Perenco Peru (Holding) Limited để mua 52,361% cổ phần của Công ty Perenco Peru Ltd. (PPL - nay đổi tên thành PVEP Perenco Peru Ltd), một công ty được thành lập tại Bahamas, để sở hữu 50% quyền tham gia tại Hợp đồng dầu khí Lô 67 Peru vào ngày 21 tháng 6 năm 2012. Tập đoàn đang ghi nhận trên khoản mục "Chi phí trả trước dài hạn" các chi phí tham gia dự án, chi phí tìm kiếm, thăm dò và phát triển dầu khí chưa phân bổ của Lô 67 Peru tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 10.760.811 triệu VND trên cơ sở Công văn số 14873/BTC-CDKT ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Bộ Tài chính. Theo thông báo của Nhà điều hành Lô 67 Peru ngày 01 tháng 6 năm 2016, Dự án Lô 67 Peru đã tạm dừng khai thác vì điều kiện bất khả kháng kể từ ngày 18 tháng 5 năm 2016. Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn chưa xác định được chính xác thời gian khai thác trở lại của Dự án Lô 67 Peru và đang làm việc với các nhà thầu và các cơ quan có thẩm quyền để xác định phương án xử lý vấn đề nêu trên.

Phân bổ chi phí các dự án không đảm bảo hiệu quả kinh tế năm 2016 phản ánh toàn bộ chi phí tìm kiếm, thăm dò dầu khí chưa phân bổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 của các dự án 01/97 & 02/97 Lam Sơn và dự án 09.3 VRJ đã được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam phê duyệt về nguyên tắc việc dừng khai thác với số tiền là 5.971.724 triệu VND, được ghi nhận vào giá vốn hoạt động dầu khí theo Quyết định của Hội đồng thành viên PVEP.

- (ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Tài chính, Tập đoàn đã ghi nhận phần chi phí quá khứ phát sinh trước khi ký Hợp đồng đầu khí Lô 04-3 năm 2009 tương ứng với tỷ lệ lợi ích của Tập đoàn trong Hợp đồng đầu khí Lô 04-3 vào chi phí trả trước dài hạn với số tiền là 2.118.137 triệu VND (tương đương 93.227.880 USD), đồng thời ghi tăng khoản phải trả dài hạn khác với Ngân sách Nhà nước. Chi phí quá khứ sẽ được Tập đoàn thu hồi dần từ năm 2016. Thời điểm ghi nhận và xác định tỷ lệ nộp Ngân sách Nhà nước, đầu tư trở lại cho Tập đoàn được thực hiện khi thực tế thu hồi được khoản chi phí, căn cứ tỷ lệ lãi nước chủ nhà được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với năm tương ứng.

16. CHI PHÍ TÌM KIẾM, THĂM DÒ DẦU KHÍ

	Năm nay	Năm trước
	Triệu VND	Triệu VND
Các hợp đồng đầu khí trong nước	32.336.362	37.561.295
Các hợp đồng đầu khí tại nước ngoài (i)	4.909.318	6.144.817
Chi đề án, đề tài (ii)	62.488	64.726
	37.308.168	43.770.838

- (i) Chi phí tìm kiếm, thăm dò dầu khí nước ngoài tại ngày kết thúc năm tài chính bao gồm khoảng 1.542.672 triệu VND là chi phí của dự án 39 Peru của PVEP. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, PVEP chưa nhận được phê duyệt chính thức từ Hội đồng Thành viên PVN và/hoặc các cơ quan chức năng về việc phê duyệt báo cáo đầu tư điều chỉnh đối với dự án nêu trên.
- (ii) Chi đề án, đề tài chủ yếu phản ánh các khoản chi phí quản lý và chi thực hiện đề tài, nhiệm vụ tìm kiếm thăm dò và đánh giá tiềm năng dầu khí phát sinh lũy kế chưa được phê duyệt quyết toán của cơ quan có thẩm quyền để ghi giảm.

Chi phí tìm kiếm, thăm dò dầu khí bao gồm 5.633.497 triệu VND là số chi phí tìm kiếm, thăm dò của các dự án đầu khí được Tập đoàn và PVEP đánh giá không hiệu quả trong năm 2014. Trong năm 2015, Tập đoàn đã gửi Công văn xin ý kiến chỉ đạo phê duyệt tới Thủ tướng Chính phủ, Bộ Công thương và Bộ Tài chính về vấn đề này. Ngày 30 tháng 6 năm 2016, Văn phòng Chính phủ đã ban hành Công văn số 1347/VPCP-KTTH gửi Bộ Tài chính, Bộ Công thương và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam giao Bộ Công thương chỉ đạo, giám sát Tập đoàn Dầu khí Việt Nam phân bổ chi phí các dự án, giếng khoan tìm kiếm thăm dò dầu khí không thành công năm 2014 của PVEP phù hợp với số liệu thanh quyết toán được kiểm toán; đảm bảo mức chi phí phân bổ sau khi chuyển về Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam không ảnh hưởng đến các chỉ tiêu tài chính theo kế hoạch năm 2014 của PVEP. Ngày 21 tháng 11 năm 2016, Bộ Công thương có Công văn số 654/BCT-TCNL ghi nhận kết quả rà soát của Tập đoàn về các dự án, giếng khoan tìm kiếm thăm dò không thành công và giao Hội đồng Thành viên PVN quyết định, giám sát việc phân bổ chi phí trong tháng 11 năm 2016. Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn vẫn đang tiếp tục làm việc với các cơ quan có thẩm quyền để có phê duyệt chính thức về phương án phân bổ chi phí tìm kiếm, thăm dò dầu khí của các dự án không hiệu quả trên.

1001
CƠ
CH N
ĐEI
VIỆ
NG D

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Tình hình biến động chi phí tìm kiếm, thăm dò dầu khí trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
	Triệu VND	Triệu VND
Số dư đầu năm	43.770.838	37.321.533
Tăng thêm trong năm	1.638.675	8.844.602
Các dự án trong giai đoạn thăm dò	1.498.355	5.765.143
Các dự án trong giai đoạn phát triển	140.320	3.079.459
Giảm trong năm	8.101.345	2.395.297
Kết chuyển sang chi phí trả trước dài hạn để phân bổ	4.250.172	2.004.206
Ghi nhận chi phí các dự án không thành công (iii)	2.205.934	204.572
Giảm do quyết toán vốn đầu tư	55.697	186.519
Chuyển nhượng tỷ lệ lợi ích tại các lô dầu khí	1.589.542	-
Số dư cuối năm	37.308.168	43.770.838

(iii) Chi phí các dự án không thành công năm 2016 chủ yếu bao gồm 90% chi phí tìm kiếm, thăm dò dầu khí của các dự án M2 Myanmar, 10&11.1 Côn Sơn và Marine XI Congo lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 với số tiền là 2.161.433 triệu VND được ghi nhận vào giá vốn hoạt động dầu khí theo Quyết định của Hội đồng thành viên PVEP.

17. CHI PHÍ PHÁT TRIỂN MỎ

	Năm nay	Năm trước
	Triệu VND	Triệu VND
Các hợp đồng dầu khí trong nước	1.782.922	3.078.855
Các hợp đồng dầu khí tại nước ngoài	9.197.128	9.192.840
	10.980.050	12.271.695

Chi phí phát triển mỏ đối với các hợp đồng dầu khí tại nước ngoài tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm khoản phí tham gia trả lần đầu và lần thứ hai với tổng số tiền là 442.000.000 USD mà PVEP đã chuyển cho nước Cộng hòa Bolivar Venezuela để được tham gia đầu tư khai thác tại Lô Junin 2 như trình bày tại Thuyết minh số 1.

Tình hình biến động chi phí phát triển mỏ trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
	Triệu VND	Triệu VND
Số dư đầu năm	12.271.695	15.027.360
Tăng thêm trong năm	6.879.517	16.914.356
Giảm trong năm	8.171.162	19.669.961
Kết chuyển sang chi phí trả trước dài hạn để phân bổ	5.870.019	22.728.192
Giảm do phân bổ chi phí các dự án không thành công (i)	1.063.009	(4.332.690)
Kết chuyển chi phí hoạt động trong năm	1.238.134	1.274.459
Số dư cuối năm	10.980.050	12.271.695

(i) Phân bổ chi phí các dự án không thành công năm 2016 phản ánh toàn bộ chi phí phát triển mỏ lũy kế đến tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 của dự án 10&11.1 Côn Sơn với số tiền là 1.063.009 triệu VND, được ghi nhận vào giá vốn hoạt động dầu khí theo Quyết định của Hội đồng thành viên PVEP.

18. TÀI SẢN KHÁC

a) Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm Triệu VND	Số đầu năm Triệu VND
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	7.410.785	5.513.180
Ứng trước ủy quyền đầu tư và ủy quyền bán đã ký hợp đồng chuyển nhượng	460.371	460.371
Khác	26.253	26.254
	7.897.409	5.999.805

b) Tài sản dài hạn khác

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	11.564.398	10.008.425
Tài sản gán nợ đang chờ xử lý	830.243	830.243
Góp vốn dài hạn tại PVC Đồng Đô	182.951	239.951
Khác	91.454	-
	12.669.046	11.078.619

19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm Triệu VND	Số đầu năm Triệu VND
Dịch vụ xây lắp, cơ khí	5.729.674	5.869.064
Sản xuất điện	3.117.535	3.799.846
Thu gom, chế biến khí	3.081.908	1.970.480
Dịch vụ tàu cảng	1.863.088	2.000.435
Dịch vụ tài chính	1.761.061	1.443.224
Sản phẩm chế biến xăng, dầu	1.514.231	1.291.528
Thương mại và phân phối	898.420	2.348.741
Dịch vụ khoan	708.694	1.382.634
Đóng tàu	416.036	443.064
Sản xuất phân đạm	269.888	257.366
Hóa dầu, sơ xối	334.942	214.473
Khác	1.164.182	1.870.807
	20.859.659	22.891.662
Trong đó:		
- Phải trả người bán ngắn hạn	20.858.708	22.890.355
- Phải trả người bán dài hạn	951	1.307

00 / T
HƯ
T
A
19

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chi tiết tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước theo từng loại thuế như sau:

		Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối năm
		Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
I. Thuế		4.376.180	45.606.737	45.462.320	4.500.597
Thuế GTGT hàng bán nội địa		991.116	11.297.683	11.040.723	1.248.076
Thuế GTGT hàng nhập khẩu		1.663	2.151.958	2.154.176	(555)
Thuế tiêu thụ đặc biệt		372.927	3.564.536	3.529.590	407.873
Thuế xuất, nhập khẩu		(195.351)	2.217.778	2.141.808	(119.381)
Thuế thu nhập doanh nghiệp		1.559.894	13.778.257	13.611.590	1.726.561
Thuế thu nhập cá nhân		111.292	817.027	844.299	84.020
Thuế tài nguyên		684.279	4.683.133	4.774.030	593.382
Thuế nhà đất		6.261	111.341	119.104	(502)
Thuế môn bài		114	899	901	112
Các loại thuế khác		843.985	6.984.125	7.267.099	561.011
II. Các khoản phải nộp khác		4.494.521	28.941.800	27.364.493	6.071.823
Lãi nước chủ nhà từ VSP và các PSC	(i)	1.049.939	7.516.829	6.975.796	1.590.972
Tiền cọc và sử dụng tài liệu dầu, khí	(ii)	-	2.343	2.343	-
Các khoản phí, lệ phí		444	58	16	486
Hoa hồng dầu khí		-	123.603	123.603	-
Tiền khí ẩm		24.620	292.267	361.276	(14.309)
Phí môi trường		5.472	28.002	27.912	5.562
Các khoản thu điều tiết		772.165	3.526.753	4.149.432	149.486
Lợi nhuận phải nộp Ngân sách Nhà nước	(iii)	2.639.678	17.418.047	15.688.644	4.359.081
Các khoản khác		2.203	33.898	35.471	630
Tổng cộng		8.870.701	74.548.537	72.846.813	10.572.425
Trong đó:					
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		625.902			595.464
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		9.496.603			11.167.889

(i) Lãi dầu, khí nước chủ nhà Việt Nam được chia từ các PSC tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm:

- 75% lãi dầu, khí nước chủ nhà của Lô 06.1 sau khi trừ 1,5% để lại cho Tập đoàn bù đắp các chi phí quản lý, giám sát các hợp đồng dầu khí, Tập đoàn sẽ thực hiện kê khai và nộp trực tiếp vào Ngân sách Nhà nước.
- 25% lãi dầu, khí nước chủ nhà được chia từ Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro và 25% lãi dầu, khí được chia từ các hợp đồng dầu khí khác sau khi trừ 1,5% để lại cho Tập đoàn bù đắp các chi phí quản lý, giám sát các hợp đồng dầu khí tính đến hết thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, đang chờ quyết toán để ghi tăng Quỹ tìm kiếm, thăm dò dầu khí và Quỹ đầu tư, phát triển theo hướng dẫn tại Nghị định số 06/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ về việc Ban hành quy chế quản lý tài chính của Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

- (ii) Tiền đọc và sử dụng tài liệu dầu, khí là khoản tiền nhà thầu phải trả cho Tập đoàn để được đọc và sử dụng các tài liệu dầu, khí có sẵn. Tập đoàn được ủy quyền thực hiện kê khai, nộp trực tiếp vào Ngân sách Nhà nước 75% tiền thu về đọc và sử dụng tài liệu dầu, khí. Số 25% còn lại của tiền thu về đọc và sử dụng tài liệu dầu, khí được để lại cho Tập đoàn để bổ sung vào Quỹ đầu tư, phát triển và Quỹ tìm kiếm, thăm dò dầu khí.
- (iii) Lợi nhuận phải nộp vào Ngân sách Nhà nước theo quy định áp dụng đối với Tập đoàn. Trong năm, Tập đoàn đã nộp lợi nhuận sau thuế năm 2015 và tạm nộp lợi nhuận sau thuế năm 2016 vào Ngân sách Nhà nước. Số nộp chính thức sẽ được phê duyệt khi có văn bản phê duyệt phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2016 của chủ sở hữu.

Trong năm 2016, thực hiện theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước, Tập đoàn đã tạm ghi nhận khoản lợi nhuận thu về từ PVEP tương ứng với phần chi phí dự án dầu khí không hiệu quả và thực hiện phân phối phần lợi nhuận này vào Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ tìm kiếm, thăm dò dầu khí và nộp Ngân sách Nhà nước với số tiền lần lượt là 1.257.123 triệu VND, 419.041 triệu VND và 2.514.246 triệu VND. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn vẫn đang tiếp tục báo cáo các cơ quan có thẩm quyền xin phê duyệt chi phí dự án dầu khí không hiệu quả của PVEP nói trên.

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Triệu VND	Triệu VND
Lợi nhuận phải nộp Ngân sách Nhà nước	4.369.081	2.639.678
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.164.611	1.750.982
Lãi nước chủ nhà từ VSP và các PSC (i)	1.590.972	1.264.005
Các khoản thu điều tiết (iv)	149.486	772.164
Thuế tài nguyên	593.382	684.295
Thuế khác	2.300.357	2.385.479
	11.167.889	9.496.603

Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Triệu VND	Triệu VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	438.050	191.458
Lãi nước chủ nhà từ VSP và các PSC (i)	-	214.066
Thuế tài nguyên	-	16
Thuế khác	157.414	220.362
	595.464	625.902

- (iv) Các khoản thu điều tiết nộp Ngân sách Nhà nước được xác định theo Thông tư số 24/2013/TT-BTC ngày 01 tháng 3 năm 2013, áp dụng cho toàn bộ sản phẩm lọc dầu (xăng, dầu, LPG) và sản phẩm hóa dầu do Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn (Công ty con) sản xuất, chế biến và tiêu thụ trong nước.

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm Triệu VND	Số đầu năm Triệu VND
a) Chi phí phải trả ngắn hạn		
Chi phí phải trả các hợp đồng dầu khí (i)	7.691.290	7.512.170
Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và xây lắp	3.127.810	3.129.867
Chi phí lãi vay	1.401.553	1.470.495
Chi phí lãi huy động tín dụng	1.303.687	746.331
Trích trước chi phí kết thúc dự án Lô SK 305 (ii)	936.491	1.104.018
Trích trước chi phí mua và xử lý khí	824.079	1.369.798
Chi phí trích trước liên quan đến hoạt động các giàn khoan	143.737	129.896
Chi phí dịch vụ khảo sát địa chấn	95.871	125.234
Chi phí an sinh xã hội, phí bảo hiểm	48.528	60.214
Chi phí phải trả khác	691.651	574.524
	16.264.697	16.222.547
b) Chi phí phải trả dài hạn		
Chi phí lãi vay	386.114	342.333
Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng, xây lắp	83.515	74.032
Chi phí lãi huy động tín dụng	12.045	85.620
Trích trước chi phí kết thúc dự án Lô SK 305	-	652.105
Chi phí phải trả khác	6.792	4.658
	488.466	1.158.758

- (i) Phản ánh các khoản chi phí phải trả liên quan đến hoạt động thăm dò, phát triển và khai thác dầu khí của nhà điều hành của các lô dầu khí mà Tập đoàn tham gia góp vốn thực hiện.
- (ii) Phản ánh số tiền trích trước liên quan đến việc thực hiện các nghĩa vụ/trách nhiệm còn tồn đọng khi dừng tham gia Hợp đồng thăm dò khai thác dầu khí Lô SK 305 - Malaysia ("Hợp đồng dầu khí") căn cứ vào Báo cáo kết thúc dự án thăm dò khai thác dầu khí Lô SK 305 - Malaysia đang trình Hội đồng Thành viên PVN phê duyệt. Tổng chi phí dự kiến để hoàn thành các nghĩa vụ còn tồn tại của PVEP theo Hợp đồng dầu khí trong giai đoạn từ năm 2015 đến năm 2017 là 1.981.886 triệu VND (tương đương với 88,28 triệu USD), trong đó, chi phí thực tế đã phát sinh đến ngày kết thúc năm tài chính này là 1.045.395 triệu VND (tương đương với 47,06 triệu USD) và số dư chi phí trích trước tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 936.491 triệu VND (tương đương với 41,22 triệu USD). Chi phí thực hiện nghĩa vụ/trách nhiệm còn tồn đọng này sẽ được xác định chính thức khi có quyết định của Hội đồng Thành viên PVN và các cấp có thẩm quyền.

22. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Triệu VND	Triệu VND
a) Ngắn hạn		
Thu hộ, trả hộ tiền đầu thô xuất khẩu ủy thác	3.788.792	3.431.745
Phải trả về các công trình xây dựng cơ bản	1.732.194	359.041
Vốn phải ứng trong các hợp đồng đầu khí	1.547.428	1.679.613
Phải trả từ mua bán chứng khoán ngắn hạn	704.876	-
Nhận bàn giao từ SBIC (<i>Xem Thuyết minh số 14</i>)	695.348	695.348
Phải trả về ứng vốn trong các hợp đồng đầu khí	482.654	-
Phải trả cổ tức, lãi liên doanh	437.204	546.136
Phải trả tiền rút bảo lãnh thực hiện hợp đồng (i)	435.922	529.555
Phải trả về đóng mới công trình kho nổi chứa dầu FSO5	411.829	402.177
Lãi nước chủ nhà	401.106	336.092
Phải trả về công trình Dragon	281.218	93.001
Chênh lệch giữa thu - chi các hợp đồng dịch vụ ký với Liên doanh Lọc hóa dầu Nghi Sơn	261.930	271.673
Phải trả về thuế, phí, lệ phí, các khoản bồi thường, phạt	260.538	186.087
Giữ lại tiền thanh toán YMC-Transtech về khoản thuế nhà thầu đã nộp	129.482	127.943
Phải trả các ngân hàng lãi vay	104.248	96.931
Phải trả tiền đặt cọc, ký quỹ, ký cược	101.194	91.882
Phải trả tiền lương, thưởng	53.299	49.789
Phải trả thanh toán giao dịch chứng khoán với nhà đầu tư	32.276	136.644
Thuế xuất khẩu đầu thô thu hộ, trả hộ	8.886	57.846
Phải trả Công ty TNHH Murphy Chu Long Bac Oil	-	169.498
Phải trả cho dự án Costa Nha Trang	-	113.736
Vốn góp được hoàn trả	-	108.394
Phải trả về chuyển quyền sử dụng đất, tài sản	-	46.005
Phải trả ngắn hạn khác	2.121.448	2.465.712
	13.991.872	11.994.848
b) Dài hạn		
Phải trả về quỹ thu dọn mỏ (ii)	41.219.403	33.020.105
Phải trả NSNN chi phí quá khứ Lô 04.3 (iii)	2.113.193	-
Phải trả dài hạn khác	515.422	672.327
	43.848.018	33.692.432

- (i) Bao gồm khoản bảo lãnh thực hiện hợp đồng EPC của Công ty TNHH Hyundai Engineering ("HEC") theo Thư bảo lãnh phát hành ngày 19 tháng 5 năm 2014 với số tiền là 218.881 triệu VND (tương đương 9.695.749 USD). Ngày 11 tháng 11 năm 2015, PVTex đã thực hiện rút số tiền nói trên và ghi nhận phải trả ngắn hạn khác do Nhà thầu HEC đề nghị mở bảo lãnh thực hiện hợp đồng mới để thay thế Thư bảo lãnh đã hết hạn vào ngày 20 tháng 11 năm 2015. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, PVTex đang thực hiện các thủ tục pháp lý để giải quyết tranh chấp với nhà thầu HEC về khoản tiền bảo lãnh thực hiện hợp đồng nói trên.

- (ii) Phản ánh số dư tiền đóng góp vào Quỹ thu dọn mỏ của các nhà thầu dầu khí tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 theo quy định tại Quyết định số 40/2007/QĐ-TTg ngày 21 tháng 3 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ nhằm bảo đảm nghĩa vụ tài chính cho việc thu dọn công trình cố định, thiết bị và phương tiện.
- (iii) Tập đoàn đã ghi nhận phần chi phí quá khứ phát sinh trước khi ký Hợp đồng dầu khí Lô 04-3 năm 2009 tương ứng với tỷ lệ lợi ích của Tập đoàn trong Hợp đồng dầu khí Lô 04-3 vào chi phí trả trước dài hạn với số tiền là 2.118.137 triệu VND (tương đương 93.227.880 USD), đồng thời ghi tăng khoản phải trả dài hạn khác với Ngân sách Nhà nước.

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Triệu VND	Triệu VND
Vay ngắn hạn	45.112.216	37.473.462
Vay dài hạn đến hạn trả	50.066.385	43.552.208
	95.178.601	81.025.670

Vay ngắn hạn bao gồm các khoản vay theo hạn mức và hợp đồng tín dụng bằng EUR, USD và VND từ các ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng.

b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

Vay và nợ thuê tài chính dài hạn bao gồm các khoản vay và nợ thuê tài chính bằng USD, VND và EUR từ các ngân hàng và các tổ chức tín dụng. Các khoản vay và nợ thuê tài chính này được Tập đoàn vay dưới hình thức tín chấp, hoặc được Bộ Tài chính nước Cộng hòa XHCN Việt Nam bảo lãnh, hoặc được bảo đảm bằng tài sản của Tập đoàn.

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Triệu VND	Triệu VND
Đô la Mỹ	99.861.696	117.009.998
Đồng Việt Nam	42.724.319	26.495.732
Euro	2.169.174	2.762.289
	144.755.189	146.268.069

Tỷ lệ lãi suất hàng năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Đô la Mỹ	0,75% - 9,5%	0,75% - 9,5%
Đồng Việt Nam	3,0% - 15,0%	1,0% - 11,5%
Euro	1,15% - 4,15%	1,47% - 4,15%

Các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Triệu VND	Triệu VND
Trong vòng một năm	50.066.385	43.552.208
Trong năm thứ hai	15.657.949	23.603.403
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	61.688.569	52.375.809
Sau năm năm	17.342.286	26.736.649
	144.755.189	146.268.069
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay và nợ ngắn hạn)	(50.066.385)	(43.552.208)
Số phải trả sau 12 tháng	94.688.804	102.715.861

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn có một số hợp đồng vay nhưng chưa thực hiện giải ngân như sau:

- Hợp đồng vay ngày 09 tháng 12 năm 2013, vay tổ hợp ngân hàng do Ngân hàng HSBC làm đầu mối chưa giải ngân. Hạn mức hợp đồng là 195.250.000 USD để phục vụ cho việc xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2. Lãi suất trong hạn USD được tính bằng lãi suất LIBOR cộng với lãi suất biên hàng năm là 4,7%/năm. Khoản vay có kỳ hạn 10 năm, trả gốc trong 7 năm, kỳ hạn trả gốc đầu tiên dự kiến vào tháng 6 năm 2017.
 - Các hợp đồng vay vốn ECA Hàn Quốc do Ngân hàng Citibank Singapore làm đầu mối để thanh toán các chi phí của Dự án xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 với tổng hạn mức là 987.000.000 USD. Cụ thể:
 - (i) Khoản vay do Ngân hàng Xuất nhập khẩu Hàn Quốc ("KEXIM") trực tiếp cho vay với hạn mức 252.000.000 USD, lãi suất trong hạn USD được tính bằng lãi suất LIBOR 6 tháng cộng với lãi suất biên là 3,32%/năm;
 - (ii) Hợp đồng vay do KEXIM bảo hiểm với hạn mức 228.000.000 USD, lãi suất trong hạn USD được tính bằng lãi suất LIBOR 6 tháng cộng với lãi suất biên là 1,28%/năm;
 - (iii) Hợp đồng vay do Công ty Bảo hiểm Xuất khẩu Hàn Quốc (KSURE) bảo hiểm với hạn mức 507.000.000 USD, lãi suất trong hạn USD được tính bằng lãi suất LIBOR 6 tháng cộng với lãi suất biên là 1,28%/năm.
- Các khoản vay có kỳ hạn tối đa 17 năm, trả gốc trong 12 năm, kỳ hạn trả gốc đầu tiên dự kiến vào tháng 3 năm 2017.
- Hợp đồng vay thương mại nước ngoài do Ngân hàng Citibank Singapore làm đầu mối. Hạn mức hợp đồng là 213.000.000 USD để thanh toán các chi phí của Dự án xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1. Lãi suất trong hạn USD được tính bằng lãi suất LIBOR cộng với lãi suất biên hàng năm là 3,4%/năm. Khoản vay có kỳ hạn tối đa 10 năm, trả gốc trong 5 năm, kỳ hạn trả gốc đầu tiên dự kiến vào tháng 3 năm 2022.

24. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	Số cuối năm Triệu VND	Số đầu năm Triệu VND
Ngắn hạn		
Dự phòng bồi thường bảo hiểm	4.034.632	3.148.479
Dự phòng phí bảo hiểm chưa được hưởng	3.064.526	2.964.155
Dự phòng chi phí sửa chữa, bảo dưỡng	2.052.952	536.401
Dự phòng bảo hành công trình, sản phẩm	156.378	168.391
Khác	330.059	296.179
	9.638.547	7.113.605
Dài hạn		
Dự phòng chi phí sửa chữa, bảo dưỡng	1.627.235	1.788.571
Dự phòng bảo hành công trình, sản phẩm	1.364.680	1.355.810
Dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường	153.579	-
Khác	38.349	2.808
	3.183.843	3.147.189

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015:

	Vốn góp của chủ sở hữu		Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản		Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ hỗ trợ cấp xếp doanh nghiệp	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu (i)		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Nguồn vốn đầu tư XDCB		Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Tổng cộng	
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Số dư đầu năm trước	281.500.000	11.913.801	1.171.115	(3.774.549)	45.328.521	739.710	18.924.702	28.840.595	607.129	36.812.510	422.063.534								
Điều chỉnh theo Kiểm toán Nhà nước (ii)	-	-	-	-	189.569	-	95.400	6.093.955	-	78.874	6.457.798								
Điều chỉnh giảm trích quỹ theo các quyết định	-	-	-	-	(1.795.891)	-	-	1.795.891	-	-	-								
Tăng quỹ từ lãi trước chủ nhà, tiền độc tài liệu để lại	-	-	-	-	3.483.991	-	387.110	-	-	-	3.871.101								
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	-	-	26.564.772	-	-	4.130.292								
Tăng vốn tại các công ty con	-	187.453	-	-	(187.453)	-	-	-	-	-	394.100								
Phân phối các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	7.364	-	-	11.431.433	-	3.037.414	(14.476.211)	-	-	-								
Trích các quỹ không thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	-	-	(1.120.533)	-	-	(488.262)								
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	-	88.538	-	-	-	-	278.237								
Lợi nhuận nộp về Ngân sách Nhà nước	-	-	-	-	-	-	-	(10.103.494)	-	-	(10.103.494)								
Nộp chênh lệch giá khí năm 2012	-	-	-	-	-	-	-	(866.749)	-	-	(866.749)								
Chi tiêu theo quy định	-	-	-	-	(14.882)	(13.204)	(585.687)	-	-	-	-								
Lãi tiền đầu Vietsov phải nộp Ngân sách Nhà nước	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-								
Tăng quỹ từ lãi tiền đầu Vietsov	-	-	-	-	-	-	-	(3.417.986)	-	-	(3.417.986)								
Phân phối lợi nhuận cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	-	(1.070.050)	-	-	(1.070.050)								
Thuế hoãn lại phải trả liên quan đến dự phòng đầu tư tài chính phát sinh trước 01/01/2015	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(2.352.022)								
Điều chỉnh do thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con	-	(354.859)	-	-	15.883	-	(1.952)	(392.559)	-	-	199.755								
Điều chỉnh do có phần hóa PVCC	-	(119.803)	(1.174.571)	-	-	-	-	-	1.581.684	-	1.293.769								
Xử lý nguồn kinh phí cấp cho các dự án của Bộ Quốc phòng trước năm 2014	-	-	-	-	(2.952.250)	-	(328.029)	-	-	-	-								
Thanh toán khoản vay của PIPower RE	-	-	-	-	(232.631)	-	-	-	-	-	-								
Khác	-	154.561	3.569	-	(73.089)	(31.595)	151.369	(323.682)	(12)	(31.578)	(190.376)								
Số dư cuối năm trước	281.500.000	11.788.507	113	(3.656.011)	55.994.191	2.276.685	21.676.318	29.752.352	607.117	40.315.675	439.424.947								

11/11/2015 10:01

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016:

	Vốn góp của chủ sở hữu		Vốn khác của chủ sở hữu		Chênh lệch đánh giá lại tài sản		Chênh lệch tỷ giá hối đoái		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu (i)		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Nguồn vốn đầu tư XDCB		Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Tổng cộng	
	Triệu VND	USD	Triệu VND	USD	Triệu VND	USD	Triệu VND	USD	Triệu VND	USD	Triệu VND	USD	Triệu VND	USD	Triệu VND	USD	Triệu VND	USD	Triệu VND	USD	Triệu VND	USD
Số dư đầu năm nay	281.500.000		11.788.507		113		(3.686.011)		55.194.191		2.276.685		21.676.318		29.752.352		607.117		40.315.675		439.424.947	
Nguồn sách: Nhà nước cấp vốn	-		-		-		-		8.226		-		-		-		-		-		8.226	
Lợi nhuận sau thuế	-		-		-		-		-		-		-		14.022.838		-		2.603.453		16.626.291	
Tăng vốn tại các công ty con	-		371.847		-		-		-		-		-		(371.847)		-		543.784		543.784	
Phân phối các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-		-		-		-		9.035.227		-		1.660.876		(10.696.103)		-		-		-	
Trích các quỹ không thuộc vốn chủ sở hữu	-		-		-		-		-		-		-		(903.423)		-		(338.016)		(1.241.439)	
Chênh lệch tỷ giá	-		-		-		(1.119.941)		-		-		(1.635)		(1.635)		-		58.883		(1.062.693)	
Lợi nhuận nộp về Ngân sách Nhà nước	-		-		-		-		-		-		-		(17.418.047)		-		-		(17.418.047)	
Tăng quỹ từ lãi nước chủ nhà, tiền độc tài liệu để lại	-		-		-		-		2.207.765		-		245.307		-		-		-		2.453.072	
Chi tiêu theo quy định	-		-		-		-		(38.611)		-		(228.601)		-		-		-		(267.212)	
Lãi tiền đầu Vietsov phải nộp Ngân sách Nhà nước	-		-		-		-		-		-		-		(2.108.431)		-		-		(2.108.431)	
Tăng quỹ từ lãi tiền đầu Vietsov	-		-		-		-		-		-		-		(702.475)		-		-		(702.475)	
Phân phối lợi nhuận cho cổ đông không kiểm soát	-		-		-		-		-		-		-		-		-		-		-	
Thuế hoãn lại phải trả liên quan đến dự phòng phải thu khó đòi	-		-		-		-		-		-		-		(252.321)		-		(2.662.293)		(252.321)	
Điều chỉnh do thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con	-		(102.012)		-		-		31.945		-		(214)		-		-		(565.592)		(600.889)	
Điều chỉnh ảnh hưởng theo Biên bản của Kiểm toán Nhà nước, Thanh tra Bộ Tài chính	-		-		-		-		1.575.064		-		419.041		(1.994.105)		-		-		-	
Phân loại lại các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-		-		-		-		(163.370)		307.381		(144.011)		-		-		-		-	
Điều chỉnh do phân loại lại khoản đầu tư tại Petrosetco, PAP, PVE (i)	-		(48.343)		-		-		(49.812)		-		-		98.155		-		(1.457.367)		(1.457.367)	
Khác	-		4.867		-		-		(118.797)		3		171.731		(194.673)		-		(127.821)		(264.690)	
Số dư cuối năm nay	281.500.000		12.014.866		113		(4.805.952)		67.681.828		2.584.069		23.800.447		9.265.269		607.117		38.370.706		431.018.463	

(i) Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu bao gồm Quỹ tìm kiếm, thăm dò dầu khí với số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 23.460.231 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 21.148.560 triệu VND). Trong thời gian chờ Chính phủ ban hành văn bản thay thế Nghị định số 06/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 01 năm 2015 về quy chế quản lý tài chính của Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, PVN vẫn tiếp tục trích Quỹ tìm kiếm, thăm dò dầu khí từ nguồn lãi dầu, khí nước chủ nhà được để lại tái đầu tư tại PVN và từ nguồn lợi nhuận sau thuế theo các quyết định phân phối lợi nhuận hàng năm được phê duyệt bởi Hội đồng Thành viên của Tập đoàn sau khi có sự chấp thuận của Bộ Công Thương. Lợi nhuận phân phối hàng năm được xác định theo báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ - Tập đoàn dầu khí Việt Nam. Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, PVN đang tạm chưa phân phối phần lợi nhuận trong năm 2016 để chờ quyết định chính thức từ các cơ quan có thẩm quyền.

(ii) Xem tại Thuyết minh số 1.

26. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

	Đơn vị	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	Triệu VND	15.091	1.004.425
2. Nợ khó đòi đã xử lý	Triệu VND	832.986	433.567
3. Ngoại tệ các loại			
Đô la Mỹ	USD	197.586.047	495.239.370
Dinar Algeria	DZD	41.546.994	27.853.768
Euro	EUR	3.869.327	1.356.586
Đồng Bolívar Venezuela	VEF	3.285.209	172.521
Yên Nhật	JPY	2.298.151	1.321.260
Đô la Singapore	SGD	395.620	37.124
Bảng Anh	GBP	254.162	325.801
Đồng Peso Cuba	CUP	-	849
Đồng Tenge Kazakhstan	KZT	233	175.676
Đồng Kíp Lào	LAK	40.579.870.308	22.484.310.875
Đồng Kyat Myanmar	MMK	1.342.675	-

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

27. BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

	Tìm kiếm, thăm dò và khai thác dầu khí	Lọc - hóa dầu	Công nghiệp khí		Công nghiệp điện		Dịch vụ dầu khí		Thương mại và phân phối	Dịch vụ tài chính	Khác	Tổng cộng		Loại trừ nội bộ	Sau loại trừ nội bộ
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Năm nay															
Tổng doanh thu	30.242.948	85.886.675	71.744.612	27.210.550	-	17.056.263	47.802.743	13.837.650	23.205.472	316.986.913	(82.205.948)	234.780.965			
Giảm trừ doanh thu (i)	-	149.837	250.187	-	-	-	36.481	3.288.007	58.850	3.783.362	-	3.783.362			
Doanh thu thuần	30.242.948	85.736.838	71.494.425	27.210.550	-	17.056.263	47.766.262	10.549.643	23.146.622	313.203.551	(82.205.948)	230.997.603			
Giá vốn hàng bán	33.990.528	75.589.976	57.194.130	23.586.524	-	16.369.924	44.602.855	9.094.840	20.202.553	280.551.330	(82.789.849)	197.761.481			
Lợi nhuận gộp	(3.747.580)	10.226.862	14.300.295	3.624.026	-	686.339	3.163.407	1.454.803	2.944.069	32.652.221	583.901	33.236.122			
Năm trước															
Tổng doanh thu	37.480.847	110.167.210	71.014.766	25.689.811	-	27.707.235	70.710.106	13.420.918	32.539.904	388.730.797	(95.290.957)	293.439.840			
Giảm trừ doanh thu (i)	-	180.833	208.910	-	-	-	335.182	4.192.445	14.434	4.931.804	-	4.931.804			
Doanh thu thuần	37.480.847	109.986.377	70.805.856	25.689.811	-	27.707.235	70.374.924	9.228.473	32.525.470	383.798.993	(95.290.957)	288.508.036			
Giá vốn hàng bán	29.450.153	95.163.818	54.863.974	21.762.436	-	21.268.716	65.785.099	8.231.983	31.232.762	377.858.941	(96.144.948)	231.713.993			
Lợi nhuận gộp	8.030.694	14.822.559	15.841.882	3.927.375	-	6.438.519	4.589.825	996.490	1.292.708	55.940.052	853.991	56.794.043			

(i) Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm: Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại tương ứng với số doanh thu được xác định trong năm tài chính.

28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	Triệu VND	Triệu VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	7.372.082	6.962.976
Doanh thu khí, condensate từ lô 05.2, 05.3 và 06.1 (i)	4.862.089	4.447.562
Lãi tiền đầu từ Vietsovpetro	2.813.092	4.558.337
Lãi chênh lệch tỷ giá	990.596	1.251.332
Lãi từ đầu tư cổ phiếu, trái phiếu, tín phiếu	748.985	635.985
Cổ tức và lợi nhuận được chia	194.789	114.650
Thanh lý khoản đầu tư, mất quyền kiểm soát tại công ty con	-	266.644
Doanh thu hoạt động tài chính khác	316.674	492.201
	17.298.307	18.729.687

- (i) Theo Quy chế quản lý tài chính của Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam được phê duyệt bởi Chính phủ tại Nghị định số 06/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 01 năm 2015, doanh thu hoạt động tài chính của Tập đoàn gồm cả tiền lãi đầu, khí sau thuế được chia với tư cách nhà thầu và tiền đầu thu hồi chi phí thu được từ các hợp đồng đầu khí kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015. Theo đó, chi phí liên quan của các hợp đồng này được phản ánh tương ứng trên khoản mục chi phí tài chính.

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	Triệu VND	Triệu VND
Chi phí lãi vay	5.156.249	4.916.034
Chi phí lô 05.2, 05.3 và 06.1	3.793.403	3.757.145
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.640.861	7.036.523
Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính	273.962	379.925
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư tài chính	39.236	272.306
Lỗ từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	5.406	190.108
Hoàn nhập dự phòng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh	(99.912)	(175.100)
Chi phí tài chính khác	270.251	513.916
	11.079.456	16.890.907

30. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	Triệu VND	Triệu VND
Chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí vận chuyển	1.389.326	1.390.706
Chi phí nhân viên bán hàng	943.068	1.083.033
Chi phí khấu hao	722.029	777.423
Chi phí quảng cáo	431.042	288.124
Các khoản chi phí bán hàng khác	2.020.968	2.048.868
	5.506.433	5.588.154

	Năm nay	Năm trước
	Triệu VND	Triệu VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên quản lý	3.433.541	3.778.969
Trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ	960.795	815.209
Chi phí khấu hao tài sản cố định	860.082	861.599
Phân bổ lợi thế kinh doanh	197.812	197.749
Chi phí dụng cụ, đồ dùng và vật liệu văn phòng	103.883	171.448
Chi phí an sinh xã hội	73.172	102.195
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng phải thu khó đòi	(126.240)	1.332.730
Chi phí hoạt động quản lý công vụ	466.199	609.139
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	3.769.710	4.977.824
	9.738.954	12.846.862

31. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	Triệu VND	Triệu VND
Hoàn nhập các khoản dự phòng bảo hành công trình, sự cố	405.329	43.392
Chuyển nhượng Khu nhà ở và dịch vụ phục vụ Liên hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn	254.545	-
Tiền được bồi thường	69.891	147.548
Thanh lý, nhượng bán tài sản	46.508	71.570
Các khoản nợ đã xử lý thu hồi được	-	177.970
Thu nhập khác	330.562	833.999
	1.106.835	1.274.479

32. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	Triệu VND	Triệu VND
Chi phí trong giai đoạn Nhà máy sản xuất xơ sợi polyester Đình Vũ tạm dừng hoạt động	446.445	302.750
Chuyển nhượng Khu nhà ở và dịch vụ phục vụ Liên hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn	251.572	-
Các khoản tiền phạt	81.569	96.715
Chi phí khác	284.155	605.340
	1.063.741	1.004.805

33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	Triệu VND	Triệu VND
Thuế từ hoạt động thăm dò và khai thác dầu khí	5.284.154	8.330.908
Thuế từ hoạt động kinh doanh khác	5.029.972	5.607.134
	10.314.126	13.938.042

Thuế thu nhập doanh nghiệp liên quan đến hoạt động khai thác dầu thô và khí của các hợp đồng phân chia sản phẩm được xác định theo điều khoản quy định trong hợp đồng và tỷ lệ thuế suất ấn định trên từng lô dầu, khí theo quy định của Bộ Tài chính.

34. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:

	Thăm dò và khai thác dầu khí	Hoạt động khác	Tổng cộng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Số dư đầu năm trước	15.227.500	478.434	15.705.934
Phát sinh trong năm	(1.664.315)	1.756.540	92.225
Số dư đầu năm nay	13.563.185	2.234.974	15.798.159
Phát sinh trong năm	(292.129)	175.649	(116.480)
Số dư cuối năm nay	13.271.056	2.410.623	15.681.679

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:

	Hoạt động khác	Tổng cộng
	Triệu VND	Triệu VND
Số dư đầu năm trước	223.318	223.318
Phát sinh trong năm	1.833.125	1.833.125
Khác	(1.821.584)	(1.821.584)
Số dư đầu năm nay	234.859	234.859
Phát sinh trong năm	(539.631)	(539.631)
Khác	581.057	581.057
Số dư cuối năm nay	276.285	276.285

Tổng thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại tính vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm:

	Năm nay	Năm trước
	Triệu VND	Triệu VND
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại	(539.631)	(1.833.125)
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	116.480	92.225
	(423.151)	(1.740.900)

35. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Triệu VND	Triệu VND
Trong vòng 1 năm	657.405	727.927
Từ 2 năm đến 5 năm	1.005.390	928.678
Sau 5 năm	1.286.532	1.095.006
	2.949.327	2.751.611

Cam kết mua hàng

Tập đoàn cam kết mua khí từ các chủ lô 06.1 và 11.2 cho đến hết giai đoạn bình ổn của các lô này với mức bao tiêu và thanh toán cho các chủ khí một lượng khí tối thiểu (đã xác định trong hợp đồng mua bán khí - GSPA) hàng năm là khoảng 3,916 tỷ m³ khí.

Tập đoàn cam kết mua khí từ các chủ lô 05.2 và 05.3 đến hết giai đoạn bình ổn của các lô này với mức bao tiêu và thanh toán cho các chủ khí một lượng khí tối thiểu (đã xác định trong hợp đồng mua bán khí - GSPA) hàng năm là khoảng 1,368 tỷ m³ khí.

Tập đoàn cam kết mua khí từ các chủ lô 102 và 106 đến hết giai đoạn bình ổn của các lô này với mức bao tiêu và thanh toán cho các chủ khí một lượng khí tối thiểu (đã xác định trong hợp đồng mua bán khí - GSPA) hàng năm là khoảng 204 triệu m³ khí.

Tập đoàn cam kết mua khí từ các chủ lô PM3 CAA và 46 Cái Nước đến hết năm 2018 với mức bao tiêu và thanh toán cho các chủ khí một lượng khí tối thiểu (đã xác định trong hợp đồng mua bán khí - GSPA) hàng năm là khoảng 1,98 tỷ m³ khí.

Cam kết bán hàng

Tập đoàn cam kết bán một lượng cố định hàng năm 1,85 tỷ m³ khí Nam Côn Sơn cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam cho đến hết giai đoạn bình ổn theo hợp đồng GSA.

Tập đoàn cam kết bán khí Nam Côn Sơn cho Nhà máy điện Phú Mỹ 3 BOT (PM3) và Công ty Mekong Energy (PM 2.2) với mức bao tiêu khí cố định hàng năm cho mỗi công ty là 0,85 tỷ m³ khí lần lượt cho đến năm 2023 và 2024.

Cam kết vốn

Tập đoàn có các khoản cam kết đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm thiết bị trong năm 2017 với số tiền khoảng 79.254 tỷ VND, trong đó vốn của Tập đoàn là 61.688 tỷ VND và vốn vay là 17.566 tỷ VND.

Tập đoàn có một số khoản cam kết góp vốn vào các dự án tìm kiếm, thăm dò dầu khí tại Việt Nam và nước ngoài trong năm 2016 với tổng giá trị khoảng 12.903 tỷ VND.

36. TÀI SẢN VÀ CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn có các khoản công nợ tiềm tàng và nghĩa vụ cam kết với ngân hàng và các bên được bảo lãnh khác phát sinh trong quá trình kinh doanh thông thường. Các khoản công nợ tiềm tàng trên không được đánh giá là trọng yếu. PVN cũng đã thực hiện nghiệp vụ bảo lãnh cho một số khoản vay dài hạn của các đơn vị thành viên với số dư gốc vay phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 7.546.650 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 7.406.927 triệu VND), trong đó bao gồm khoản vay dài hạn của PVTex tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với số dư gốc vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 5.028.441 triệu VND.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC - Công ty con) có các khoản bảo lãnh cho một số khoản vay đã quá hạn của các công ty con và công ty liên kết của PVC với số tiền là 237.855 triệu VND. PVC đã trích lập dự phòng toàn bộ nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến các khoản bảo lãnh này trên báo cáo tài chính hợp nhất cho các năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và 2015. Trong năm 2016, PVC đã đánh giá phương án trả nợ và tài sản thế chấp để bảo đảm cho khoản vay và các thỏa thuận với bên cho vay của Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Sài Gòn và quyết định hoàn nhập dự phòng nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến nghĩa vụ bảo lãnh nêu trên với số tiền khoảng 99.912 triệu VND.

Ngày 21 tháng 3 năm 2007, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 40/2007/QĐ-TTg quy định về việc thu dọn các công trình cố định, thiết bị và phương tiện phục vụ hoạt động dầu khí. Theo đó, trong thời hạn 01 năm kể từ thời điểm khai thác đồng dầu, khí đầu tiên, tổ chức, cá nhân phải lập quỹ bảo đảm nghĩa vụ tài chính cho việc thu dọn công trình cố định, thiết bị và phương tiện. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn đã lập dự phòng chi phí thu dọn mỏ một số lỗ dầu khí theo các quy định trong hợp đồng đầu khí. Tập đoàn đang nghiên cứu và đánh giá chi phí thu dọn cần thiết cho các công trình cố định, thiết bị và phương tiện phục vụ hoạt động dầu khí của các lỗ dầu khí còn lại để có cơ sở lập dự phòng chi phí thu dọn mỏ đầy đủ.

Chi phí thăm dò tìm kiếm dầu khí tại dự án 39 Peru lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 khoảng 1.542.672 triệu VND. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, PVEP chưa nhận được phê duyệt chính thức từ các cơ quan chức năng về báo cáo đầu tư điều chỉnh đối với dự án nêu trên. Báo cáo tài chính hợp nhất này chưa bao gồm những điều chỉnh có thể phát sinh liên quan đến các sự kiện không chắc chắn này.

Theo Quyết định số 521/QĐ-TĐKT ngày 26 tháng 5 năm 2017 về việc phê duyệt phân bổ chi phí dự án không thành công, không hiệu quả năm 2016, Hội đồng Thành viên PVEP đã thông qua và phê duyệt việc ghi nhận chi phí các dự án không hiệu quả mà đã có chủ trương kết thúc, dừng, chuyển nhượng vào báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của PVEP. Theo đó, PVEP đã ghi nhận vào giá vốn hoạt động dầu khí trong năm với giá trị khoảng 8.694.961 triệu VND bao gồm giá trị chi phí trả trước dài hạn chưa phân bổ của các dự án 01/97 & 02/97 Lam Sơn và dự án 09.3 VRJ và 90% chi phí thăm dò, chi phí phát triển của các dự án M2 Myanmar, 10&11.1 Côn Sơn và Marine XI Congo. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, PVEP đang tiếp tục làm việc với các nhà thầu dầu khí, các cơ quan chức năng và các đối tác về giá trị bồi thường hợp đồng, chi phí quyết toán dự án... liên quan tới việc dừng các dự án nêu trên và sẽ thực hiện điều chỉnh khi có số liệu đáng tin cậy, phù hợp.

Theo Hợp đồng thành lập và quản lý Công ty Liên doanh Petromacareo S.A. và Thỏa thuận phí tham gia lần đầu ký ngày 29 tháng 6 năm 2010, khoản phí tham gia phải trả Chính phủ Venezuela lần cuối cùng (lần 3) là 142.000.000 USD. PVEP đã xin gia hạn khoản phải Thanh toán này cho đến khi hoàn thành các hoạt động thăm định và đánh giá đầy đủ trữ lượng của Lô Junin 2.

Ngày 30 tháng 3 năm 2017, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Văn bản số 456/TTg-CN chấp thuận cước phí vận chuyển, thu gom khi đang khai thác tại các mỏ thuộc bể Cửu Long (không bao gồm các mỏ: Bạch Hổ, Rồng - Đồi Mồi) từ miệng giếng đến Giàn trung tâm Bạch Hổ lần lượt là 1,96 - 2,04 - 2 USD/MMBTU cho các giai đoạn tương ứng từ ngày 01 tháng 4 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014, trong năm 2015 và trong năm 2016. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (PVGas - Công ty con) xác định tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, PVGas có khoản tài sản tiềm tàng (có thể phải thu EVN) về tiền cước phí trả chậm từ ngày 01 tháng 4 năm 2014 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2016 với số tiền khoảng 25 triệu USD.

Ngày 27 tháng 5 năm 2016, Tòa án Nhân dân Quận Hải An, thành phố Hải Phòng gửi Thông báo về việc thụ lý sơ thẩm vụ án kinh doanh thương mại liên quan đến tranh chấp về hợp đồng kinh tế giữa Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Đình Vũ (DVIZ - bên khởi kiện) và PVTex (bên bị kiện). Theo kết quả bản án sơ thẩm số 02/2017/KDTM-ST ngày 24 tháng 4 năm 2017 của Tòa án Nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng PVTex phải thanh toán DVIZ tổng số tiền là 72.906 triệu VND bao gồm nợ gốc, lãi chậm thanh toán và phạt vi phạm hợp đồng liên quan đến các hợp đồng đã ký giữa hai bên về việc cho thuê đất và cung cấp dịch vụ và tiện ích, thu gom và xử lý nước thải..., đồng thời, PVTex phải hoàn trả cho DVIZ mặt bằng xây dựng khu đất thuê để làm nhà tạm với diện tích 4.004 m² đúng với nguyên trạng khi PVTex tiếp nhận. Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, PVTex đang làm thủ tục mở phúc thẩm đối với bản án sơ thẩm nêu trên. Báo cáo tài chính hợp nhất này chưa bao gồm các điều chỉnh có thể phát sinh từ sự kiện này.

Ngày 05 tháng 7 năm 2016, PVTex đã nhận được thông báo của Trọng tài Quốc tế ICC Singapore (ICC) liên quan đến việc thụ lý đơn kiện của Công ty TNHH Hyundai Engineering (HEC) về việc PVTex vi phạm hợp đồng EPC khi không trả lại khoản tiền bảo lãnh thực hiện hợp đồng mà PVTex đã rút với số tiền 9.695.749 USD. HEC yêu cầu PVTex phải hoàn trả số tiền bảo lãnh thực hiện hợp đồng và trả các chi phí và thiệt hại của HEC liên quan đến vụ kiện và tiền lãi tính trên số tiền bảo lãnh. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, PVTex đang chuẩn bị các thủ tục pháp lý để giải quyết tranh chấp liên quan đến khoản tiền bảo lãnh nêu trên cũng như các nghĩa vụ của nhà thầu trong hợp đồng EPC xây dựng Nhà máy Sản xuất Xơ sợi Polyester Đình Vũ. Báo cáo tài chính hợp nhất này chưa bao gồm các điều chỉnh có thể phát sinh từ sự kiện này.

37. THÔNG TIN KHÁC

Ngày 15 tháng 01 năm 2013, Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn ("NSR") đã ký kết Thỏa thuận về Cam kết bảo lãnh của Chính phủ cho Dự án với Chính phủ Việt Nam (Bộ Công thương đại diện) và Hợp đồng bao tiêu sản phẩm nhiên liệu với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Theo đó, Tập đoàn sẽ bao tiêu toàn bộ sản phẩm đầu ra của Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn. NSR được áp dụng mức giá bán buôn tại cổng nhà máy là giá nhập khẩu cộng thuế nhập khẩu 7% đối với các sản phẩm lọc dầu và 3% cho các sản phẩm hóa dầu (ngoại trừ 5% cho LPG). Nếu thuế suất nhập khẩu thấp hơn thì PVN sẽ thanh toán cho Nghi Sơn số chênh lệch giữa thuế suất nhập khẩu thực tế và thuế suất 7% hay 3% nói trên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2017, Bộ Công thương đã ra Quyết định số 1364/QĐ-BCT phê duyệt giá trị doanh nghiệp tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty mẹ - PVPower cho mục đích cổ phần hóa là 60.623.284 triệu VND, với giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp xác định lại là 33.556.543 triệu VND, tăng so với giá trị sổ sách khoảng 11.085.707 triệu VND.

00
TY
HUU
TT
NAM
TP

Ngày 31 tháng 5 năm 2017, Bộ Công thương đã ra Quyết định số 1938/QĐ-BCT phê duyệt giá trị doanh nghiệp tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty mẹ - BSR cho mục đích cổ phần hóa là 72.879.915 triệu VND, với giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp xác định lại là 44.934.562 triệu VND, tăng so với giá trị sổ sách khoảng 13.415.976 triệu VND.

Ngày 27 tháng 5 năm 2015, Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã ban hành Quyết định số 1197/QĐ-DKVN về việc cổ phần hóa Tổng Công ty Dầu - Công ty TNHH MTV (PVOil - Công ty con). Theo đó, thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp của PVOil là ngày 31 tháng 12 năm 2015. Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, PVOil đang trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt kết quả xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Trong năm, Thanh tra Bộ Tài chính đã tiến hành thanh tra tại Tập đoàn và đã ban hành Kết luận thanh tra số 11855/BTC-TTr ngày 25 tháng 8 năm 2016. Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn quyết định điều chỉnh ảnh hưởng của các kết luận Thanh tra tài chính vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ngày 24 tháng 11 năm 2016, Thanh tra Chính phủ ban hành Thông báo số 3129/TB-TTCTP về kết luận thanh tra việc đầu tư các dự án Nhiên liệu sinh học có vốn góp của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các đơn vị, và Thông báo số 3130/TB-TTCTP ngày 24 tháng 11 năm 2016 về kết luận thanh tra việc đầu tư xây dựng Dự án Nhà máy Sản xuất Xơ sợi Polyester Đình Vũ. Theo đó, Thanh tra Chính phủ đã kết luận về một số vi phạm trong quá trình đầu tư Nhà máy Nhiên liệu Sinh học Bio-Ethanol Dung Quất do Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung (BSR-BF - Công ty con của Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn - Công ty con) làm chủ đầu tư và Dự án Nhà máy Sản xuất Xơ sợi Polyester Đình Vũ do Công ty Cổ phần Hoá dầu và Xơ sợi Dầu khí (PVTex - Công ty con) làm chủ đầu tư. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Giám đốc BSR-BF và PVTex đang trong quá trình làm việc với các nhà thầu và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để giải quyết các kết luận và kiến nghị của Thanh tra Chính phủ. Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 chưa bao gồm các điều chỉnh có thể phát sinh từ sự kiện này.

38. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan có cùng chủ sở hữu là Nhà nước:

- Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy (SBIC): Tập đoàn có giao dịch chủ yếu với SBIC về nhận bàn giao các dự án/công ty con và cho vay như được trình bày tại các Thuyết minh số 1, 9, 14 và 22.
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN): Tập đoàn có giao dịch chủ yếu với EVN về bán điện, bán khí và cho vay.
 - Doanh thu bán điện cho EVN trong năm là 27.051.852 triệu VND (năm 2015: 26.605.683 triệu VND). Số dư phải thu tiền bán điện tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 9.505.594 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 6.393.124 triệu VND).
 - Doanh thu bán khí cho EVN trong năm là 13.160.515 triệu VND (năm 2015: 16.213.644 triệu VND). Số dư phải thu tiền bán khí tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 2.281.375 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 1.862.851 triệu VND).
 - Số dư phải thu về cho vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 868.904 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 543.385 triệu VND).
- Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex): Tập đoàn có giao dịch chủ yếu với Petrolimex về bán buôn xăng, dầu. Doanh thu bán buôn xăng, dầu cho Petrolimex trong năm là 26.867.328 triệu VND (năm 2015: 36.148.403 triệu VND). Số dư phải thu về bán buôn xăng, dầu tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 3.169.613 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 1.981.015 triệu VND).

- Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro: Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu sau với Vietsovpetro:
 - Mua dầu thô để thực hiện lọc hóa dầu trong năm với số tiền 39.947.870 triệu VND (năm 2015: 44.880.874 triệu VND).
 - Cung cấp dịch vụ sửa chữa tàu, xà lan trong năm với số tiền 331.581 triệu VND (năm 2015: 675.283 triệu VND).
 - Cung cấp dịch vụ liên quan hoạt động giàn khoan trong năm với số tiền 125.300 triệu VND (năm 2015: 670.541 triệu VND).
 - Ngoài ra, các công ty con của Tập đoàn còn cung cấp một số dịch vụ như xây lắp, sửa chữa giàn khoan, cung cấp suất ăn... cho Vietsovpetro.
- Công ty Liên doanh Rusvietpetro: Tập đoàn có giao dịch chủ yếu với Rusvietpetro về cho vay như trình bày tại Thuyết minh số 8. Số dư lãi cho vay phải thu tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 401.610 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 127.820 triệu VND).
- Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn: Tập đoàn có giao dịch chủ yếu với Nghi Sơn về cho vay như trình bày tại Thuyết minh số 8. Số dư lãi cho vay phải thu tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 249.568 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 20.490 triệu VND).

39. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Tập đoàn đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh số 1577/GCNDKDTDC6 ngày 23 tháng 01 năm 2016 và 2135/GCNDKDTDC4 ngày 23 tháng 01 năm 2017 chứng nhận việc Chevron Vietnam (Block B) Ltd. được đổi tên thành PetroVietnam (Block B) Ltd. và Chevron Vietnam (Block 52) Ltd. được đổi tên thành PetroVietnam (Block 52) Ltd. từ ngày 17 tháng 6 năm 2015 và chứng nhận việc hai công ty này chuyển nhượng toàn bộ quyền lợi tham gia trong Hợp đồng chia sản phẩm Dầu khí Lô B&48/95 và Lô 52/97 cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam theo thỏa thuận giữa Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và tổ hợp các nhà thầu dầu khí.

Ngày 26 tháng 3 năm 2017, Tập đoàn đã ký kết thỏa thuận hợp tác đầu tư dự án mỏ khí Cá Voi Xanh với Tập đoàn Exxon Mobil của Mỹ. Theo kế hoạch, Tập đoàn Exxon Mobil sẽ đầu tư 01 giàn đầu giếng để xử lý tách nước ngoài khơi và 02 cụm khai thác ngầm, mỗi cụm có 04 giếng khai thác và một đường ống dài khoảng 88 km nối vào bờ biển Chu Lai, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam sẽ đầu tư 01 nhà máy xử lý khí, 01 nhà máy điện 02 tổ máy, công suất mỗi tổ máy khoảng 600MW - 700MW. Các nhà máy trên dự kiến vận hành vào năm 2023. Tổng sản lượng khí hàng năm khai thác khoảng 9 - 10 tỷ m³, trong đó dành 1 tỷ m³ để kết nối với Nhà máy Lọc dầu Dung Quất phục vụ chế biến sâu.



Nguyễn Vũ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 7 năm 2017

Lê Đình Mậu
Kế toán trưởng
Trưởng ban Kế toán và
Kiểm toán

Nguyễn Thế Anh
Người lập biểu